

Ảnh hưởng lý thuyết chính trị về công bằng của John Rawls đến triết học chính trị đương đại, chính sách xã hội của các nước phương Tây và gợi mở một số vấn đề đảm bảo công bằng xã hội ở Việt Nam

TS. TRẦN THỊ NGỌC MINH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: phuongbinh788007@gmail.com

Nhận ngày 16 tháng 7 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2024.

Tóm tắt: John Rawls, nhà triết học Mỹ, được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là một trong những nhà triết học chính trị lỗi lạc nhất thế kỷ XX. Lý thuyết chính trị về công bằng của ông có ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều lĩnh vực như triết học, kinh tế, đạo đức, pháp luật, quyền con người và công lý toàn cầu. Bài viết đi sâu phân tích quan niệm của Rawls về công lý, công bằng; công bằng trong nước và công bằng quốc tế; ảnh hưởng của lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls đến triết học chính trị đương đại cũng như tác động tới chính sách xã hội của các nước phương Tây; gợi mở một số vấn đề nhằm góp phần thúc đẩy đảm bảo công bằng xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: Chính trị; công lý; công bằng; John Rawls; phương Tây.

Abstract: John Rawls, an American philosopher, is widely regarded by researchers as one of the most prominent political philosophers of the 20th century. His political theory of justice had a far-reaching influence in various fields, including philosophy, economics, ethics, law, human rights, and global justice. This article delves into Rawls' concept of justice, fairness, both domestic and international, and explores the influence of his political theory of justice on contemporary political philosophy, as well as its impact on the social policies of Western countries. The article also suggests some issues to consider in promoting social justice in Vietnam.

Keywords: politics; justice; fairness; John Rawls; the West.

1. Vài nét về tác giả, tác phẩm

John Rawls (1921-2002), một triết gia người Mỹ, thuộc trào lưu chủ nghĩa tự do, có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử triết học chính trị. Ông sinh ra trong một gia đình ở Baltimore, Maryland, Mỹ. Tuổi trẻ của Rawls đã trải qua một biến cố đau buồn khi hai người em trai bị nhiễm bệnh bạch hầu và viêm phổi, sau đó qua đời. Từ đây, cảm thức sâu đậm về sự độc tài của vận mệnh đã tác động lên những kinh nghiệm đầu đời của ông. Về sau, trong tác phẩm "Một lý thuyết về công lý", Rawls đưa yếu tố vận may tự nhiên vào trong những suy tư của mình.

Năm 1939, Rawls vào Đại học Princeton. Đây cũng là thời điểm nổ ra Thế chiến II, để lại những thảm họa về kinh tế - xã hội, sự bất công giữa người giàu và người nghèo, người da màu và da trắng, đảng phái này và đảng phái khác. Sau khi hoàn thành học kỳ đầu tiên, Rawls gia nhập quân đội Mỹ. Sau chiến tranh, ông học đại học và làm tiến sĩ tại Princeton. Ngay sau đó, ông được mời làm việc tại Đại học Oxford. Năm 1953, ông chuyển tới trường Đại học Cornell. Năm 1960, ông giảng dạy tại Viện công nghệ Massachusetts, và làm giáo sư năm 1961 tại trường Đại học Harvard.

Trong sự nghiệp nghiên cứu của mình, Rawls đã cho ra đời 3 quyển sách: (1) □Một lý thuyết về công lý□(A theory of justice -1971); (2) □Chủ nghĩa tự do chính trị□(Political Liberalism - 1993); (3) □Luật của con người□(The Law of Peoples - 1999). Ông được nhận Giải Rolf Schock Logic và Triết học⁽¹⁾. Năm 1999, ông được trao Huy chương nhân văn quốc gia bởi Tổng thống Bill Clinton. Tác phẩm □Một lý thuyết về công lý□của Rawls là chủ đề của một vở nhạc kịch □A Theory of Justice: The Musical!□được công chiếu tại Anh năm 2013 và được diễn lại tại Edinburgh Festival Fringe⁽²⁾.

2. Quan điểm tiếp cận và nội dung lý thuyết chính trị về công bằng của John Rawls

2.1. Quan điểm tiếp cận công bằng của John Rawls

Ông đưa ra quan điểm □công lý như là công bằng□nhằm thay thế cho những quan điểm truyền thống. Và dựa trên lý luận của Kant về tính tự trị của ý chí và mệnh lệnh tuyệt đối trong đạo đức học để đưa ra quan điểm về sự tự quyết. Với lối nhìn và cách tiếp cận công bằng xã hội, Rawls đã khai mở những hướng đi mới, mặc dù vẫn tiếp thu những tư tưởng của truyền thống khế ước xã hội đã được định hình từ trước về một xã hội tự do và bình đẳng.

Quan điểm của Rawls về công bằng là một sự phủ định đối với lý thuyết của chủ nghĩa vị lợi (Utilitarianism), chủ nghĩa trực giác (Intuitionism) và chủ nghĩa cầu toàn (Perfectionism). Chủ nghĩa vị lợi coi phúc lợi xã hội là một tổng thể, từng cá nhân không được quan tâm đến, họ có thể phải hy sinh cho lợi ích của xã hội. Điều này có nghĩa là công lý phải bảo đảm việc tạo ra lợi ích tổng hợp lớn nhất cho cộng đồng. Những người chủ nghĩa trực giác nhấn mạnh đến khả năng cảm nhận đạo đức qua sự phán đoán hay tính toán lợi hại. Trong khi đó chủ nghĩa cầu toàn lại xem sự hoàn hảo của con người như kim chỉ nam cho sự sáng tạo xã hội. Theo Rawls, ba cách tiếp cận trên không đưa đến công bằng xã hội.

Chủ nghĩa trực giác không cung cấp một phương pháp có hệ thống cho những đánh giá đạo đức, nó chỉ là một sự cảm nhận trong hoàn cảnh lý tính, không có khả năng biện minh. Lý thuyết trực giác không bao hàm một phương pháp minh nhiên, không có những nguyên tắc ưu tiên, đơn giản chỉ là cố gắng cân bằng qua trực giác để chỉ ra những cấu trúc luân lý. Còn với chủ nghĩa cầu toàn, Rawls cho rằng con người không thể hoàn hảo để có thể làm cho xã hội tốt đẹp trong mọi lĩnh vực, lý thuyết về công bằng không phải là một lý thuyết gia tăng tối đa lợi ích. Mặt khác, chủ nghĩa cầu toàn không tương hợp với nguyên tắc về quyền.

Rawls muốn thiết lập một học thuyết vốn đưa ra một sự thay thế có hệ thống và hợp lý đối với chủ nghĩa vị lợi⁽³⁾. Ông lập luận rằng, chủ nghĩa vị lợi không cung cấp một nền tảng thỏa đáng cho nền dân chủ lập hiến, bởi vì nó cố gắng để gia tăng hết mức sự cân bằng thực của sự thỏa mãn⁽⁴⁾. Chủ nghĩa vị lợi không đảm bảo các quyền căn bản và tự do của công dân xét như là những cá nhân tự do và bình đẳng, một đòi hỏi quan trọng bậc nhất của các thể chế dân chủ. Ngược lại, trong lý thuyết của Rawls □ý niệm về quyền đặt trên ý niệm về lợi ích□⁽⁵⁾.

Để xây dựng quan niệm về công bằng, trong tác phẩm □Một lý thuyết về công lý□ Rawls đã dành khá nhiều tâm sức để lý giải nội hàm của luận điểm □công lý như là công bằng□ Đồng thời bỏ đi những gì không còn hữu dụng và liên kết những cái còn lại với những nghiên cứu khác được viết trong các tiểu luận từ năm 1974 trở đi.

2.2. Nội dung chính trong Lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls

2.2.1. Quan niệm của Rawls về công bằng trong mỗi quốc gia

Công lý như là công bằng

Rawls quan niệm công lý là lẽ phải, điều thiện, hay phẩm hạnh tối cao của con người, là chuẩn mực của trạng thái xã hội lý tưởng mà ở đó, mỗi cá nhân khi tham dự vào hợp tác xã hội

hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện và ngày càng đạt được lợi ích tối đa của mình. Rawls coi công lý như là công bằng, như là niềm tin của pháp luật, là hạt nhân của đạo đức và là điều kiện tiên quyết của xã hội công dân. Rawls khẳng định "công bằng là nhân đức đầu tiên của các thể chế xã hội, cũng giống như chân lý là nhân đức trước nhất của các hệ thống tư tưởng"⁽⁶⁾. Lời khẳng định này cho thấy vai trò và giá trị của công bằng đối với sự phát triển của bất kỳ xã hội nào.

Một hệ thống công bằng là một hệ thống mà ở đó không có quyền hay sự tự do nào của con người bị xâm phạm. "Mỗi người chiếm giữ một sự bất khả xâm phạm đến mức lợi ích của xã hội xét một cách tổng thể cũng không thể có quyền cao hơn"⁽⁷⁾. Tự do và bình đẳng của từng cá nhân có tầm quan trọng và quan tâm như nhau. Do đó, không một xã hội nào được phép chất gánh nặng lên sự tự do và quyền lợi của cá nhân trong bất cứ trường hợp nào. Các quyền được bảo vệ bởi công bằng không thể phục tùng cho những mục tiêu chính trị hay những đong đếm của lợi ích xã hội. Tuy vậy, Rawls cũng mở ngoặc rằng, sự bất bình đẳng chỉ có thể được cho phép khi và chỉ khi điều ấy khả dĩ tránh khỏi một sự bất công lớn hơn.

Rawls quan niệm trạng thái tự nhiên thông thường không được xem là vị trí ban đầu của quyền bình đẳng. Từ đây, Rawls đưa ra quan niệm về vị thế ban đầu mà tại đó con người đứng sau "bức màn vô minh" (veil of ignorance). Bức màn vô minh được hiểu là con người không biết mối quan tâm và những nội dung cụ thể trong viễn tượng của họ. Bức màn này ngăn các bên tham gia khỏi việc khuôn những quan điểm đạo đức của họ theo những lợi ích và sự quyến luyến cụ thể của chính họ. Họ cần xóa bỏ tất cả những ưu thế hay bất lợi đã được định trước mà những vị thế xã hội khác nhau có thể cung cấp, không nên nhìn trật tự xã hội từ hoàn cảnh cụ thể của mình mà phải áp dụng quan điểm tất cả mọi người có thể chọn một chỗ đứng bình đẳng.

Rawls yêu cầu hình dung những nguyên tắc sẽ chọn nếu mọi người không biết mình thuộc kiểu người nào, lười biếng hay siêng năng, thông minh hay ngu ngốc, bị khuyết tật hay không, nam hay nữ... và không biết mình có vị trí nào trong xã hội, hoàn cảnh xã hội cụ thể, nghĩa là tất cả các bên tham gia vào sự đồng thuận đều có lý trí và ý hướng tốt. Những cá nhân này bình đẳng với nhau và vì thế mọi người có những quyền pháp lý như nhau.

Hai nguyên tắc về công bằng

Rawls giả định rằng cấu trúc xã hội có thể chia thành hai khía cạnh. Những khía cạnh của hệ thống xã hội xác định và đảm bảo sự tự do căn bản nền tảng, và những khía cạnh làm sáng tỏ và thiết lập các bất bình đẳng về kinh tế - xã hội⁽⁸⁾. Từ đó, ông đề xuất hai nguyên tắc là tự do và bình đẳng.

Nguyên tắc tự do (liberty): Rawls lập luận rằng, các bên tham gia trong vị thế ban đầu có thể đồng ý với nguyên tắc tự do. "Mỗi người phải có quyền ngang bằng tới mức phổ quát nhất những sự tự do căn bản nền tảng vốn tương thích với sự tự do của người khác (nguyên tắc tự do bình đẳng cao nhất)" Rawls cho rằng, công bằng xã hội đòi hỏi một hệ thống các sự tự do căn bản "hoàn toàn thỏa đáng" cần được bảo vệ và dành sự ưu tiên hơn so với các lợi ích xã hội khác như sự thịnh vượng, tính hiệu quả. Những sự tự do căn bản này là "tự do lương tâm và tư tưởng; tự do chính trị (quyền bỏ phiếu và nắm giữ các chức vụ). Tự do ngôn luận, hội họp, tự do (bao gồm tự do khỏi áp bức tâm lý và hành hung thể lý); quyền nắm giữ tài sản cá nhân. Những sự tự do này phải công bằng trong nguyên tắc thứ nhất"⁽⁹⁾.

Ví dụ, sự tự do công bằng về chính trị không thể bị phủ nhận đối với những nhóm xã hội dựa trên lập luận rằng, nhờ sự tự do này, họ có thể ngăn cản các chính sách đem lại hiệu quả cho xã hội và thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Vì thế, sự tự do căn bản có thể bị giới hạn hay bị từ chối

duy chỉ cho mục đích của một hay nhiều sự tự do căn bản khác, chứ không bao giờ dùng cho những lý do của lợi ích công cộng hay lợi ích của người theo chủ nghĩa toàn cầu.

Trong nguyên tắc tự do, Rawls trình bày một đòi hỏi mạnh mẽ đối với tự do chính trị. Lập luận của Rawls về tự do chính trị và giá trị của nó được đặt nền trên ý niệm về sự tôn trọng chính mình. Ý niệm này là một trong những lợi ích căn bản trong tư duy của Rawls. Ông khẳng định "tôn trọng chính mình và sự tin tưởng chắc chắn trong cảm thức về giá trị của chính mình có lẽ là lợi ích căn bản quan trọng nhất mà một con người có thể nắm giữ"⁽¹⁰⁾. Bởi vì, không có điều này, cuộc sống tự nó trở nên vô nghĩa, và vì lý do này các bên tham gia trong vị thế ban đầu "hầu hết chắc muốn tránh bằng bất cứ giá nào những điều kiện xã hội làm xói mòn sự tôn trọng mình"⁽¹¹⁾.

Theo Rawls, tôn trọng chính mình là quan trọng đối với công dân vì "không có sự tôn trọng mình dường như chẳng có điều gì có giá trị để thực hiện"⁽¹²⁾. Việc thực thi chính trị theo đúng nghĩa là để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của xã hội. Nếu không có một cảm thức vững chắc về tôn trọng bản thân, thì con người sẽ chẳng bao giờ thấy đích đến của mình có giá trị để theo đuổi, như thế cũng sẽ chẳng có động lực để góp phần xây dựng xã hội. Như thế, ý niệm về chính trị của Rawls đặt nền trên con người, lý thuyết về con người phải là một lý thuyết được xây dựng cho những lý do chính trị. Vì thế, Rawls cố gắng rút ra ý niệm về con người từ ý tưởng nền tảng trong lý thuyết của mình: sự hợp tác xã hội cho lợi ích của nhau giữa những con người tự do và công bằng.

Nguyên tắc bình đẳng (equality): Ý niệm về bình đẳng đóng một vai trò quan trọng trong lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls. Nguyên tắc bình đẳng gồm hai phần. Phần thứ nhất, "bình đẳng về cơ hội" cho tất cả mọi người, không loại trừ một ai, bình đẳng không chỉ trong những cơ hội việc làm mà còn trong những cơ hội của cuộc sống. Con người với những khả năng và kỹ năng như nhau phải có những cơ hội trong cuộc sống giống nhau, bất chấp tầng lớp họ được sinh ra. Phần thứ hai, "nguyên tắc khác biệt" chỉ được biện hộ cho những bất bình đẳng về kinh tế - xã hội làm gia tăng tới mức có thể những lợi ích cho những thành viên yếu thế nhất trong xã hội.

Trước hết, sự bình đẳng về cơ hội mở ra cho mọi người trong các vị trí kinh tế - xã hội nhằm ngăn chặn hình thức tích lũy tài sản quá mức vốn cho phép những nhóm đặc quyền giữ độc quyền những lợi ích xã hội. Theo cách này, họ có thể đạt được những chức vụ mà họ xứng đáng được nhận mà hoàn toàn độc lập với tầng lớp xã hội của họ. Sự bình đẳng này đòi hỏi tất cả mọi người, dù cho vị trí khởi đầu như thế nào, nên có cùng cơ hội để phát triển những tài năng tự nhiên của mình.

Tiếp đến, mỗi công dân nên có những cơ hội ngang nhau để có được một vị trí xã hội thích hợp bằng việc đảm bảo đầy đủ sự tiếp cận công bằng các dịch vụ như y tế, giáo dục, đào tạo kỹ năng. Những chính sách để đạt được sự công bằng cơ hội này bao gồm đảm bảo nền giáo dục công bằng cho tất cả mọi người và loại bỏ những phân biệt đối xử. Ví dụ, hệ thống trường học công lập hay tư thục, đều phải được thiết kế để loại ra những chương ngại tầng lớp. Bởi vì, khi việc tiếp cận với giáo dục được đảm bảo, những nhóm người có xuất phát điểm ít lợi thế hơn có cơ hội để phát triển những kỹ năng cần thiết để có thể có cơ hội sống tốt hơn.

Rawls đồng ý với sự bình đẳng cơ hội dưới sự bình đẳng dân chủ, nhưng ông không đồng

thuận với ý niệm về bình đẳng theo cách hiểu tự do tự nhiên. Bởi vì "tự do tự nhiên vẫn cho phép sự phân chia của cải và thu nhập phải được xác định bởi sự phân chia tự nhiên về các khả năng và tài năng"⁽¹³⁾. Vì thế, những sự bất bình đẳng sản sinh từ những nhân tố ngẫu nhiên của tự nhiên và xã hội là không công bằng. Đặc biệt, khi miêu tả về bình đẳng cơ hội, Rawls tái khẳng định: "những người có cùng tài năng, khả năng và lòng muốn để sử dụng những món quà được ban nên có cùng những viễn cảnh thành công như nhau bất chấp vị trí ban đầu của họ trong hệ thống xã hội. Nghĩa là, không tính đến tầng lớp họ được sinh ra"⁽¹⁴⁾. Rawls cổ vũ cho quan điểm đạo đức tôn trọng con người. Con người có phẩm giá, và vì thế họ xứng đáng có cơ hội để phát triển bản thân, họ có cơ hội để theo đuổi những điều họ mong muốn mà không bị yếu tố vận may tự nhiên, hay những yếu tố ngẫu nhiên của xã hội chi phối.

2.2.2. Quan niệm của John Rawls về công bằng quốc tế

Những nguyên tắc điều chỉnh quan hệ giữa các dân tộc

Rawls vẫn dùng những khái niệm công cụ như trong lý thuyết công bằng trong nước khi quan niệm về công bằng quốc tế. Với lý thuyết công bằng trong nước, các cá nhân lý trí và tự do là những người đứng sau "bức màn vô tri" thì trong lý thuyết công bằng quốc tế, dân tộc tự do mới chính là chủ thể hợp pháp để lựa chọn nguyên tắc công bằng sẽ được áp dụng cho các dân tộc. Và khi đứng sau bức màn vô tri ở vị trí ban đầu thứ 2, các dân tộc sẽ lựa chọn 8 nguyên tắc đồng thuận sau:

1. Các dân tộc đều tự do, độc lập và được các dân tộc khác tôn trọng.
2. Các dân tộc phải tôn trọng các hiệp ước và các công cuộc kinh doanh.
3. Các dân tộc bình đẳng và là các bên tham gia ký chúng.
4. Các dân tộc sẽ phải tôn trọng nghĩa vụ

không can thiệp.

5. Các dân tộc có quyền bảo vệ mình nhưng không có quyền phát động chiến tranh.

6. Các dân tộc phải tôn trọng quyền con người.

7. Các dân tộc phải tôn trọng những giới hạn nhất định về đạo đức chiến tranh.

8. Các dân tộc có nghĩa vụ hỗ trợ những xã hội sống trong điều kiện không thuận lợi.

Nghĩa vụ hỗ trợ trong quan hệ quốc tế

Ông đứng trên quan niệm nhân quyền khi quan niệm về nghĩa vụ hỗ trợ giữa các xã hội. Ông phân biệt nhân quyền với các quyền dân chủ tự do. Nhân quyền được nhận thức như một loại quyền đặc biệt qui định những tiêu chuẩn cụ thể của các thể chế chính trị có khuôn phép và các dân tộc độc lập có nghĩa vụ hỗ trợ các xã hội bị gánh nặng, phù hợp với nhu cầu cơ bản của họ để họ có thể trở thành thành viên độc lập trong xã hội của các dân tộc có trật tự tốt.

3. Ảnh hưởng của Lý thuyết công bằng của Rawls đến triết học chính trị đương đại và chính sách xã hội của các nước phương Tây và gợi mở cho Việt Nam

Lý thuyết về công bằng của Rawls ảnh hưởng tới một số nhà triết học chính trị Anh và Mỹ đương đại như Sen, Pogge, Nozick, Sandel,

Amartya Sen (sinh 1933) là một nhà kinh tế học, triết học Ấn Độ nổi tiếng. Ông đã kế thừa lý luận của Rawls để hình thành nên quan niệm công bằng dựa trên cách tiếp cận năng lực.

Thomas Pogge (sinh 1953) là nhà triết học gốc Đức. Pogge tán thành các nguyên tắc về công bằng mà Rawls đưa ra trong Lý thuyết về công lý và cho rằng có thể áp dụng chúng, đặc biệt là nguyên tắc khác biệt ở phương diện toàn cầu.

Robert Nozick (1938) là một trong những nhà triết học chính trị Mỹ. Sinh thời, ông là đồng nghiệp của Rawls tại trường Đại học Havard. Ông đã đưa ra quan niệm về công bằng dựa trên

học thuyết về quyền để bảo vệ tự do thị trường, nhà nước tối thiểu và phê phán quan niệm ủng hộ nhà nước phúc lợi của Rawls.

Michael Sandel (sinh 1953) là nhà triết học chính trị người Mỹ. Ông phê phán lý thuyết về công bằng của Rawls và khẳng định mối quan hệ không thể tách rời giữa quyền và tính thiện, nhận thức về cá nhân trong hoàn cảnh cụ thể. Ông cho rằng cái tôi trong quan niệm của Rawls mang tính trừu tượng, không phản ánh được bản chất của tồn tại người và đã đưa ra tư tưởng về cái tôi ràng buộc.

Không chỉ có vậy, lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls tác động không nhỏ tới chính sách xã hội của các nước phương Tây lúc bấy giờ, vì nó cung cấp một khuôn khổ đạo đức để đánh giá và cải thiện các cấu trúc cơ bản của xã hội, như các thể chế chính trị, luật pháp và kinh tế. Đồng thời, có ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều lĩnh vực và phong trào, như hiến pháp, quyền con người, quyền dân chủ, phúc lợi, nữ quyền, chủ nghĩa môi trường và công lý toàn cầu. Robert Nozick miêu tả Lý thuyết công lý của Rawls là một tác phẩm sâu sắc và đầy sức mạnh trong tư tưởng chính trị và cũng như trong nền chính trị đạo đức⁽¹⁵⁾. Jonathan Wolff đánh giá: "trong khi có thể có một cuộc tranh cãi về các triết gia chính trị quan trọng thứ hai của thế kỷ XX, có thể sẽ không có tranh chấp về người quan trọng nhất: John Rawls"⁽¹⁶⁾.

Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu cho rằng, trong lý thuyết về công bằng, Rawls cho thấy khuynh hướng quân bình. Ông đề xuất chủ nghĩa quân bình tự do (liberal egalitarianism), trong đó sự đòi hỏi căn bản của công bằng là các thành viên trong xã hội phải được đối xử như là những con người tự do và bình đẳng. Ông xây dựng lý thuyết về công bằng, trong đó tự do và bình đẳng được nhấn mạnh và nối kết với nhau, với sự nhấn mạnh đặc biệt vào tự do. Như thế, có thể nói, Rawls là người theo chủ nghĩa quân bình, bởi vì ông xem quyền tự do cá nhân phải được

ưu tiên, phải được đặt trên các giá trị khác của xã hội⁽¹⁷⁾.

Quan điểm về công bằng của Rawls cũng hạn chế so với quan điểm của Các Mác. Rawls nhấn mạnh đến sự tự nguyện và bình đẳng như là một thước đo của sự công bằng trừu tượng. Còn Mác cho rằng cơ sở để thực hiện công bằng xã hội nói chung bao giờ cũng phải dựa trên một xuất phát điểm bình đẳng giữa người và người, hay cơ sở để thực hiện khế ước xã hội nói riêng bao giờ cũng phải dựa trên sự tự nguyện tham gia vào mối quan hệ xã hội ấy. Xuất phát điểm bình đẳng và sự tự nguyện bao giờ cũng phải dựa trên quan hệ bình đẳng trong quan hệ kinh tế, bị quy định bởi "những lực lượng sản xuất và những hình thức giao tiếp hiện hữu", chứ không phải bởi một lực lượng xa lạ nào đó⁽¹⁸⁾. Như vậy, cả Mác và Rawls đều thấy rằng khế ước luôn gắn với quan hệ hợp tác tự nguyện và bình đẳng. Nhưng Mác đã không tuyệt đối hoá, lý tưởng hoá và trừu tượng hoá sự tự nguyện và xuất phát điểm bình đẳng.

Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu các lý thuyết chính trị hiện đại nói chung, lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls nói riêng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, để tiếp thu tinh hoa tri thức nhân loại, góp phần định hình nhận thức lý luận, nhất là trong bối cảnh Việt Nam tăng cường công tác nghiên cứu và nâng tầm lý luận của Đảng. Khi nghiên cứu lý thuyết chính trị về công bằng của Rawls, người viết có một số gợi mở như sau:

Trước hết, cần nhận thức rõ hơn vai trò và giá trị của công bằng đối với sự phát triển của bất kỳ xã hội nào, kể cả chế độ xã hội mà Đảng và nhân dân ta xây dựng. Như Rawls đã khẳng định, công bằng là nhân đức đầu tiên của các thể chế xã hội, cũng giống như chân lý là nhân đức trước nhất của các hệ thống tư tưởng. Tự do và bình đẳng là những vấn đề của quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Để một xã hội có thể phát triển tốt đẹp thì hai yếu tố trên phải được thực thi. Do

đó, những quyền công dân mà Việt Nam phải bảo vệ đó là quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do chính trị (ứng cử, bầu cử), quyền cá nhân (danh dự, nhân phẩm) và những quyền này được Nhà nước bảo đảm thực thi.

Thứ hai, cách tiếp cận đối với vấn đề công lý của Rawls được xem là độc đáo nhưng cũng bị cho là [viễn tưởng] khi ông tưởng tượng ra một tình huống mà trên thực tế không bao giờ có được. Song từ những tình huống giả định đó, những nguyên tắc của công lý đã ra đời và được lựa chọn. Cách làm này của Rawls mở ra một khuynh hướng làm mới đối với việc hình thành các chính sách, các điều luật, nhằm đạt tới sự đồng thuận cao nhất trong xã hội, mà vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế. Đây là một cách làm độc đáo mà những nhà xây dựng chính sách, luật pháp nên nghiên cứu, vận dụng, nhằm giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa sự phát triển kinh tế với việc đảm bảo đời sống các cá nhân theo nguyên tắc tự do và bình đẳng.

Thứ ba, sự bất bình đẳng được Rawls coi như một sự tất yếu hay hiểu cách khác, sự bất bình đẳng trong xã hội được tạo ra hết sức [tự nhiên] do sự khác biệt về cơ hội trong cuộc sống, địa vị xã hội và ảnh hưởng chính trị. Việt Nam cũng không nằm ngoài ngoại lệ so với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vấn đề là phải tìm cách ứng xử phù hợp nhất để đảm bảo lợi ích tối đa và hạn chế tối thiểu thiệt hại cho tất cả mọi thành viên trong xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu xây dựng các chính sách xã hội phù hợp, giải quyết bất bình đẳng, giảm thiểu phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo. Việc xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội cần tập trung vào hỗ trợ các nhóm xã hội gặp nhiều khó khăn nhằm cân bằng và bảo đảm công bằng xã hội.

Thứ tư, Việt Nam là một trong những điểm sáng trong quyền tiếp cận công lý, điều đó là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, tương ứng với mỗi yếu tố nền tảng (sự bảo vệ pháp lý, khuôn khổ thiết chế, sự hiểu biết pháp luật của quần

chúng và hệ thống trợ giúp, tư vấn pháp lý) thì Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, sẽ phải xây dựng những kế hoạch và chiến lược để đảm bảo quyền tiếp cận công lý được bảo đảm thực thi trong thực tế, bảo đảm quyền này sẽ biến nó trở thành một công cụ đắc lực để đảm bảo những quyền khác. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì việc đảm bảo quyền con người nói chung, quyền tiếp cận công lý nói riêng là điều tất yếu.

Thứ năm, Việt Nam luôn tuân thủ nguyên tắc [Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi⁽¹⁾]. Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc [cây tre Việt Nam] vì độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đồng thời, Việt Nam cũng phản đối chính trị cường quyền, mọi hành vi bắt nạt, sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Điều này cho thấy có sự trùng hợp trong một số nội dung mà Rawls đưa ra nhằm giải quyết vấn đề công bằng quốc tế, gồm những nguyên tắc điều chỉnh quan hệ giữa các dân tộc và nghĩa vụ hỗ trợ trong quan hệ quốc tế./

(1) Giải Rolf Schock là một giải thưởng của Thụy Điển, được thành lập năm 1993. Giải chia thành 4 thể loại: Logic và Triết học, Toán học, Nghệ thuật nhìn, Âm nhạc.

(2), (16) Wikipedia, *John Rawls*, <https://vi.wikipedia.org>

(5), (14), (17) Phêrô Phan Văn Cương, S.J, *Tự do và Bình đẳng trong lý thuyết Công bình của John Rawls - và một phân tích về chúng xét từ Thông điệp Fratelli Tutti*, <https://sjjs.edu.vn>, 5/2021.

(3) John Rawls, *A Theory of Justice*

(4), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (13) John Rawls, *A Theory of Justice*, 24, 3, 4, 53, 53, 348, 386, 64.

(12) John Rawls, *Political Liberalism*, 318.

(15) Robert Nozick, *Anarchy, State, and Utopia* (New York: Basic Books, 1974), tr.183.

(18) Nguyễn Minh Hoàn, *Sự khác biệt trong quan niệm của C.Mác và Rawls về công bằng xã hội*, <https://www.chungta.com>, ngày 19/4/2010.

(19) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG Sự thật, H., T.1, tr.110.